

Bản án số: 25/2022/HS-ST
Ngày 26-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hiến
2. Ông Nguyễn Tấn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị PH Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn-Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự thụ lý số 27/2022/TLST- HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Đỗ Thị T**, sinh năm 1976 tại Hà Nội

Nơi cư trú có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Thôn T, xã BN, huyện PR, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Th và bà Đỗ Thị Nh; có chồng là ông Hà Văn N và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/5/2022 cho đến nay “có mặt”

2. Bị cáo **Hà Văn N**, sinh năm 1972 tại Thanh Hoá

Nơi cư trú có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Thôn TP, xã BN, huyện PR, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn L và bà Lê Thị T1; có vợ là bà Đỗ Thị T và có 02 người con, lớn nhất

sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/5/2022 cho đến nay “có mặt”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê Tiến D**, sinh năm 1970 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn PN, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước

2. Ông **Mai Văn S**, sinh năm 1986 “có mặt”

3. Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1992 “có mặt”

Cùng nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn 5, xã Lt, huyện PR, tỉnh Bình Phước

4. Anh **Lê Đỗ T4 A**, sinh năm 2000 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn TH 1, xã BN, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **Đỗ Thị T** và bị cáo **Hà Văn N** có mối quan hệ là vợ chồng. Tháng 08 năm 2019, các bị cáo nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông **Nguyễn Văn K** Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 48, diện tích 5.185,2m², đến tháng 05 năm 2020, các bị cáo tiếp tục nhận chuyển nhượng Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 48, diện tích là 10.335,5m² của ông **Nguyễn Văn T2**, cùng tọa lạc tại thôn 5B, nay là thôn 1, xã LH, huyện PR. Bị cáo **Đỗ Thị T** là người đứng tên GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất nói trên. Mặc dù không có giấy phép khai thác khoáng sản được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định, do 02 thửa đất số 79 và 80 là đất đồi dốc, sỏi đá nên khoảng cuối tháng 11/2021, các bị cáo nảy sinh ý định khai thác đất sỏi bán lấy tiền, bị cáo **Đỗ Thị T** là người trực tiếp thuê xe, thuê người, thỏa thuận giá cả, nhận tiền của người mua đất, còn bị cáo **Hà Văn N** có nhiệm vụ quản lý, ghi chép số lượng xe chở đất đi bán. Bị cáo **Đỗ Thị T** thuê 01 xe máy đào, bánh xích hiệu KOBELCO, dung tích gàu 0,7m³ của vợ chồng bà **Nguyễn Thị N1** ông **Mai Văn S** với giá 20.000.000 đồng/tháng, thuê ông **Nguyễn Khắc T0** làm tài xế điều khiển xe máy đào để khai thác đất.

Sau khi khai thác khoáng sản, bị cáo **Đỗ Thị T** thuê xe ô tô tải tự đổ biển kiểm soát 93H-014.05 và ông **Lê Tiến D**; thuê xe ô tô tải tự đổ biển kiểm soát 93H - 067.71 của anh **Lê Đỗ T4 A** do anh **Tổng Trần T11** làm tài xế điều khiển; thuê ông **Phạm Văn C** làm tài xế điều khiển xe ô tô tải tự đổ, biển kiểm soát 93H-013.29 và thuê xe ô tô tải tự đổ, biển kiểm soát 93H – 006.24 do ông **Mai Văn S** điều khiển để vận chuyển khoáng sản đi bán. Trong thời gian từ ngày 01/12/2021 đến ngày 07/12/2021, các bị cáo khai thác khoáng sản tại các thửa đất số 79, 80 chở đi bán cho 02 người, cụ thể như sau:

Cuối tháng 11 năm 2021, bị cáo Đỗ Thị T thỏa thuận với bà Nguyễn Thị H về việc san lấp công trình sân phơi hạt điều với giá thỏa thuận khoán là 210.000.000 đồng. Tính đến ngày 07/12/2021, các bị cáo đã khai thác, vận chuyển và san lấp cho công trình xưởng điều của bà H tổng cộng 215 xe, gồm 162 xe tải lớn loại 10m³ và 53 xe tải nhỏ loại 05m³, được khoảng 60% công trình theo thỏa thuận, tương ứng số tiền khoảng 126.000.000 đồng, bà H đã thanh toán cho các bị cáo tổng số tiền 110.000.000 đồng.

Ngày 20/11/2021, các bị cáo thỏa thuận, lập hợp đồng viết tay với ông Nguyễn Trọng L1 về việc san lấp mặt bằng cho công trình của ông L1 với giá 100.000.000 đồng. Tính đến ngày 07/12/2021, các bị cáo đã hoàn thành được khoảng 70% công trình cho ông L1 theo thỏa thuận, ông L1 đã thanh toán cho các bị cáo số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 07/12/2021, trong lúc các bị cáo đang thực hiện việc khai thác, vận chuyển khoáng sản san lấp mặt bằng tại thửa đất số 79, 80 để chở đi bán thì bị lực lượng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về môi trường phối hợp với Công an huyện PR, Công an xã LH, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện PR, tỉnh Bình Phước phát hiện lập biên bản kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản đối với các bị cáo.

Tại Bản kết luận Giám định số 568/C09B ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an kết luận: - Mẫu đất, đá dựng trong gói ký hiệu 1 gửi giám định có hàm lượng SiO₂: 24,26%, các khoáng vật như: Ilmenit: 16,53 g/tấn, Ziricon: 5,64 g/tấn và Cansiterit, Volframit, Monazit, Vàng đều không phát hiện; - Mẫu đất đá dựng trong gói ký hiệu 2 gửi giám định có hàm lượng SiO₂: 26,44%, các khoáng vật như: Ilmenit: 67,91 g/tấn, Ziricon: 5,96 g/tấn và Cansiterit, Volframit, Monazit, Vàng đều không phát hiện; - Mẫu đất đá dựng trong gói ký hiệu 3 gửi giám định có hàm lượng SiO₂: 246,24%, các khoáng vật như: Ilmenit: 52,35 g/tấn, Ziricon: 13,53 g/tấn và Cansiterit, Volframit, Monazit, Vàng đều không phát hiện. Theo khoản 1 Điều 64 của Luật khoáng sản, các mẫu vật trên đều là khoáng sản vật liệu xây dựng [BL 247].

- Kết quả kiểm tra hiện trường xác định:

+ Diện tích khoáng sản các bị cáo đã khai thác tại thửa đất số 79 và 80 tờ bản đồ số 48, tọa lạc ở thôn 1, xã LH, huyện PR là 3.709,6 m², độ sâu khai thác trung bình là 05 m. Khối lượng khoáng sản đã khai thác là 18.548 m³ [BL 229 – 235].

+ 02 thửa đất số 79, 80 thuộc thôn 1, xã LH, huyện PR do bị cáo Đỗ Thị T đứng tên GCNQSDĐ không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

- Kết quả xác minh tại Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước xác định: Căn cứ Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Phước thì giá trị khoáng sản (đất khai thác để san

lắp, xây dựng công trình) có giá trị là: 59.500 đồng /m³. Do đó tổng giá trị khoáng sản các bị cáo đã khai thác là 18.548m³ x 59.500 đồng/m³ = 1.103.606.000 đồng (một tỷ, một trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm lẻ sáu đồng) [BL 236 – 241].

- Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 xe máy đào nhãn hiệu KOBELCO SK07, số khung: YN-4776, số máy: 6D-016461; 01 xe ô tô tải biển kiểm soát: 93H-014.05, số máy WP10336E431621 D035725, số khung RNHD24WAMT044226; 01 xe ô tô tải biển kiểm soát: 93C-067.71, số máy D6ACA203664, số khung 18CPBC048985.

+ 01 (một) cuốn sổ kẻ ô vuông, có kích thước (20,5 x 15,5)cm, phía trên góc bên phải bị cắt góc hình chữ nhật, 02 trang đầu tiên có dấu vết bị cắt, 04 trang tiếp theo ghi chép ngày, tháng, số chuyến xe chở đất san lấp đi tiêu thụ, có chữ ký xác nhận của bị cáo Đỗ Thị T.

+ Giấy phép lái xe số: 700116000593, hạng C, mang tên Lê Tiến D [BL 164, 165].

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 006900, do Phòng CSGT Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/02/2016 mang tên Lê Thanh T3 (xe ô tô tải tự đổ, biển số: 93C – 067.71).

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường pH tiện giao thông đường bộ số: KD 7485481, cấp ngày 18/6/2021 [BL 173].

+ 8,5 kg đất đá đựng trong 03 túi niêm phong chuyên dụng mã số NS 1-1901905; NS 1 – 1901903; NS 1 – 1901904 dán kín [BL 163].

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKS-P1 ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước và tại phiên tòa truy tố các bị cáo Đỗ Thị T, Hà Văn N về tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Đỗ Thị T, Hà Văn N đã hoàn toàn thừa nhận việc phạm tội và hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã được tóm tắt ở trên nên có đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo mặc dù không có giấy phép khai thác tài nguyên nhưng các bị cáo đã có hành vi khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng tổng cộng 18.548m³ với trị giá 1.103.606.000 đồng tại các thửa

đất mà các bị cáo được giao quyền sử dụng ở thôn 1, xã LH, huyện PR, tỉnh Bình Phước để bán và thu lợi bất chính được số tiền 180 triệu đồng. Xét thấy, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản quả tang về hành vi khai thác tài nguyên, kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đầy đủ cơ sở để xác định các bị cáo phạm vào tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự; do đó, việc truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý trong lĩnh vực khai thác tài nguyên. Trong quá trình thực hiện tội phạm, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức rõ và làm chủ được hành vi, có lỗi cố ý, động cơ, mục đích nhằm thu lợi bất chính nên cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh tù có thời hạn tương xứng, phù hợp để trừng trị, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Xét thấy vụ án này là vụ án có đồng phạm là vợ chồng cùng thực hiện hành vi phạm tội trong cùng một vụ án, trong đó bị cáo Đỗ Thị T là người giữ vai trò lớn hơn nên phải chịu trách nhiệm nặng hơn bị cáo Hà Văn N. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Đỗ Thị T có cha là ông Đỗ Văn T2-người được thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo có nơi thường trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo là đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật và phù hợp với chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước mà cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với số tiền 180 triệu đồng mà các bị cáo Đỗ Thị T, Hà Văn N thu được từ việc bán khoáng sản cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng L1 là tiền thu lợi bất chính nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe máy đào nhãn hiệu KOBELCO SK07, số khung: YN-4776, số máy: 6D-016461 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn Sinh bà Nguyễn Thị N1 nên cần phải trả lại cho họ.

- 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 93H-014.05, số máy WP10336E431621 D035725, số khung RNHD24WAMT044226 là tài sản hợp pháp của ông Lê Tiến D nên cần phải trả lại cho ông Lê Tiến D.

- 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 93C-067.71, số máy D6ACA203664, số khung 18CPBC048985 và giấy chứng nhận đăng ký xe số 006900 do Phòng CSGT Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/02/2016 mang tên Lê Thanh T3 là tài sản hợp pháp của anh Lê Đỗ T4 A nên cần phải trả lại cho anh Lê Đỗ T4 A.

- 01 cuốn sổ kẻ ô vuông, có kích thước (20,5 x 15,5)cm, phía trên góc bên phải bị cắt góc hình chữ nhật; 02 trang đầu tiên có dấu vết bị cắt, 04 trang tiếp theo ghi chép ngày, tháng, số chuyến xe chở khoáng sản đi tiêu thụ, có chữ ký xác nhận của bị cáo Đỗ Thị T là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần được lưu theo Hồ sơ vụ án.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Thị T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm; đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm; là có căn cứ, tương xứng và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo Đỗ Thị T, Hà Văn N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị T, Hà Văn N phạm tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50, 58, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án 26/8/2022.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Hà Văn N 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án 26/8/2022.

3. Giao các Đỗ Thị T, Hà Văn N cho Ủy ban nhân dân xã BN, huyện PR, tỉnh Bình Phước nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và

tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

4. Buộc các bị cáo Đỗ Thị T, Hà Văn N có trách nhiệm liên đới phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 180 triệu đồng.

5. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Trả lại cho ông Phạm Văn Sinh bà Nguyễn Thị N1 01 xe máy đào nhãn hiệu KOBELCO SK07, số khung: YN-4776, số máy: 6D-016461.

- Trả lại cho ông Lê Tiến D 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 93H-014.05, số máy WP10336E431621 D035725, số khung RNHD24WAMT044226.

- Trả lại cho anh Lê Đỗ T4 A 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 93C-067.71, số máy D6ACA203664, số khung 18CPBC048985 và giấy chứng nhận đăng ký xe số 006900 do Phòng CSGT Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/02/2016 mang tên Lê Thanh T3.

- Lưu theo hồ sơ 01 cuốn sổ kẻ ô vuông, có kích thước (20,5 x 15,5)cm, phía trên góc bên phải bị cắt góc hình chữ nhật, 02 trang đầu tiên có dấu vết bị cắt, 04 trang tiếp theo ghi chép ngày, tháng, số chuyến xe chở khoáng sản đi tiêu thụ, có chữ ký xác nhận của bị cáo Đỗ Thị T.

6. Các bị cáo Đỗ Thị T, Hà Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án ND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- Ủy ban nhân dân xã BN;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Nhân

